

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ
ĐẠI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

U.N.T
TH
7.00

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Trọng Nam	Chủ tịch
Ông Hà Văn Thắm (*)	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Ông Sven Albert Saebel	Thành viên (Từ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015)
Ông Dương Trọng Nghĩa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Quang Thụ (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Dung (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (*)	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015)

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)
Ông Sven Albert Saebel	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2015)
Bà Lê Hà Quế	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 3 năm 2015)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 07 tháng 8 năm 2015)
Bà Dương Tuệ Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2015, miễn nhiệm ngày 09 tháng 7 năm 2015)

(*) Theo Công bố thông tin bất thường của Công ty ngày 19 tháng 6 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Hà Văn Thắm, miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Bà Dương Tuệ Minh và bổ nhiệm Ông Lê Quang Thụ, Bà Nguyễn Thị Dung và Bà Nguyễn Thị Lan Hương vào danh sách thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 757 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 6 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản trả trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour (“Viptour”) với số tiền 38.567.900.000 VND thể hiện khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương (OceanBank). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang làm việc với Công ty Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước 19.853.438.300 VND còn lại. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của khoản ứng trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản phải thu dài hạn Công ty TNHH VNT (“VNT”) với giá trị 204 tỷ VND liên quan đến việc hợp tác đầu tư với VNT để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Ngày 19 tháng 10 năm 2015, Công ty và VNT đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang làm việc với VNT về việc thu hồi khoản phải thu nêu trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như giá trị có thể thực hiện được của khoản phải thu. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long (“OTL”) với giá gốc là 74.241.000.000 VND và đầu tư vào các đơn vị khác với giá gốc khoản đầu tư là 15.853.700.000 đồng. Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các bên nhận đầu tư làm căn cứ đánh giá trích lập dự phòng. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty TNHH Một Thành Viên Sao Hôm Nha Trang (“Sao Hôm Nha Trang”), công ty con của Công ty, đang ghi nhận khoản phải thu từ cho vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang được ghi nhận với giá trị 162.200.000.000 VND và khoản phải thu ngắn hạn khác là lãi phát sinh với giá trị 35.752.260.551 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Sao Hôm Nha Trang đang đánh giá khả năng thu hồi các khoản này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi các khoản này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các công ty con của Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 50.000.000.000 VND, khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với số tiền là 22.578.419.921 VND, các khoản phải thu khác với giá trị thuần là 27.400.110.000 VND và khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác với giá gốc là 37.821.400.000 VND nhưng chưa thu thập được căn cứ để xác định số dự phòng cần trích lập. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như giá trị có thể thực hiện được của các khoản nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.443.946.145.032	1.303.586.630.265
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	142.508.091.961	88.160.116.601
1. Tiền	111		43.410.210.018	74.158.452.564
2. Các khoản tương đương tiền	112		99.097.881.943	14.001.664.037
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		53.062.448.756	93.062.448.756
1. Chứng khoán kinh doanh	121		52.621.972.559	52.621.972.559
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(79.359)	(79.359)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		440.555.556	40.440.555.556
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		989.071.679.349	806.663.330.915
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	62.462.161.811	56.888.285.217
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	275.352.207.513	232.758.839.649
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	238.135.000.000	311.390.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	860.636.890.530	568.844.791.311
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(447.938.395.200)	(363.218.585.262)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		423.814.695	-
IV. Hàng tồn kho	140		234.637.139.944	283.901.587.279
1. Hàng tồn kho	141	11	234.637.139.944	283.901.587.279
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.666.785.022	31.799.146.714
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.227.795.597	7.271.467.048
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	11.128.911.130	10.789.273.805
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		9.310.078.295	13.738.405.861

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.859.732.741.229	2.170.855.254.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.498.694.012	9.374.366.933
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	508.498.694.012	509.374.366.933
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(500.000.000.000)	(500.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		772.484.308.220	816.844.298.478
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	699.599.325.392	743.545.896.112
- Nguyên giá	222		975.522.050.738	969.832.337.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(275.922.725.346)	(226.286.441.110)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	72.884.982.828	73.298.402.366
- Nguyên giá	228		74.979.517.148	75.089.441.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.094.534.320)	(1.791.038.667)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	418.470.036.085	358.730.034.806
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		418.470.036.085	358.730.034.806
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	391.877.447.721	692.466.675.325
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	67.471.212.946
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		392.671.985.149	627.607.578.373
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(794.537.428)	(2.612.115.994)
V. Tài sản dài hạn khác	260		34.443.097.052	24.174.634.055
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		22.935.247.156	18.172.179.981
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	11.507.849.896	6.002.454.074
3. Lợi thế thương mại	269		233.959.158.139	269.265.244.404
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.303.678.886.261	3.474.441.884.266

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.046.324.996.019	2.223.132.418.791
I. Nợ ngắn hạn	310		1.370.660.615.970	1.511.204.093.555
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	53.828.798.075	63.751.542.184
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	69.737.171.908	67.092.878.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	138.723.098.361	118.176.237.825
4. Phải trả người lao động	314		10.449.507.463	9.014.818.515
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	175.264.003.931	149.876.442.754
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.364.532.833	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	373.010.632.949	550.496.238.826
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	541.682.398.804	547.633.601.196
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.600.471.646	5.162.333.611
II. Nợ dài hạn	330		675.664.380.049	711.928.325.236
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		101.672.849.093	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		995.277.500	111.665.057.335
3. Phải trả dài hạn khác	337		12.314.324.192	12.903.620.246
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	486.811.305.463	518.821.581.599
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	24	73.433.394.738	68.100.836.993
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		437.229.063	437.229.063
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.257.353.890.242	1.251.309.465.475
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	1.257.353.890.242	1.251.309.465.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.334.132.643	11.028.280.096
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(879.697.693.678)	(900.503.012.661)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(905.718.409.112)	(19.144.078.766)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		26.020.715.434	(881.358.933.895)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		115.387.636.685	134.454.383.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.303.678.886.261	3.474.441.884.266



Nguyễn Trung Thành
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Phạm Lương Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	729.571.448.209	776.061.946.329
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		703.611.322	2.689.230.532
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		728.867.836.887	773.372.715.797
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	405.734.873.129	478.890.312.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		323.132.963.758	294.482.403.277
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	179.193.004.641	113.453.668.710
7. Chi phí tài chính	22	31	99.898.833.521	119.246.673.343
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.868.179.403	112.135.514.788
8. Lợi nhuận từ Công ty liên doanh, liên kết	24		184.738.563	1.508.719.158
9. Chi phí bán hàng	25	32	113.008.497.011	116.520.549.561
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	214.610.325.048	965.786.065.294
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		74.993.051.382	(792.108.497.053)
12. Thu nhập khác	31		3.739.813.564	3.435.211.661
13. Chi phí khác	32	33	28.615.612.865	15.462.499.062
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(24.875.799.301)	(12.027.287.401)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		50.117.252.081	(804.135.784.454)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	30.026.209.571	19.449.346.362
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(172.838.077)	48.324.877.172
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.263.880.587	(871.910.007.988)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		26.020.715.434	(881.358.933.895)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(5.756.834.847)	9.448.925.907
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		130	(4.407)


Nguyễn Trung Thành
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016


Phạm Lương Hoàng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	50.117.252.081	(804.135.784.454)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	60.724.715.348	58.842.205.010
Các khoản dự phòng	03	82.902.231.372	853.282.775.514
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	51.773.051
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(30.771.105.009)	(130.768.114.619)
Chi phí lãi vay	06	83.868.179.403	112.135.514.788
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	246.841.273.195	89.408.369.290
Thay đổi các khoản phải thu	09	(152.495.467.823)	205.032.881.847
Thay đổi hàng tồn kho	10	49.264.447.335	6.474.157.352
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(268.529.494.026)	(63.368.239.796)
Thay đổi chi phí trả trước	12	38.349.757.716	(13.372.049.367)
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.713.563.123)	(144.351.250.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.693.667.279)	(55.337.339.482)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	74.442.182.740
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.201.746.036)	(52.493.005.027)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(144.178.460.041)	46.435.707.217
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.966.341.242)	(168.151.918.566)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.077.473.567	418.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(192.300.555.556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	264.691.214.216
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	245.980.665.200	60.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.396.116.404	48.305.164.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	236.487.913.929	(46.977.913.708)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	306.708.825.056
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.961.478.528)	(314.212.212.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.961.478.528)	(7.503.387.649)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	54.347.975.360	(8.045.594.140)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	88.160.116.601	96.205.710.741
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	142.508.091.961	88.160.116.601

Nguyễn Trung Thành
Người lập biểu

Phạm Lương Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2015 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 2.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 200.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) với mã cổ phiếu là OCH.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011. Như trình bày tại Thuyết minh số 37 sự kiện sau ngày khóa sổ, tại ngày 8 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT về việc đóng cửa chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.429 người (31 tháng 12 năm 2014: 1.453 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	4 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền thuê đất và giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng phần mềm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, thiết bị loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.493.524.091	4.553.991.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.844.922.614	69.590.532.336
Tiền đang chuyển	71.763.313	13.928.580
Các khoản tương đương tiền (*)	99.097.881.943	14.001.664.037
	<u>142.508.091.961</u>	<u>88.160.116.601</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,3%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại MIKA (i)	6.647.496.885	6.652.868.609
Đối tượng khác	55.814.664.926	50.235.416.608
	<u>62.462.161.811</u>	<u>56.888.285.217</u>
b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 36)	<u>3.251.144.389</u>	<u>4.078.598.678</u>

(i) Phản ánh khoản phải thu của Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên (Công ty con của Công ty) với Công ty Cổ phần Thương mại MIKA (“MIKA”) - đối tác chính của Công ty cho đến trước năm 2013 về tiền bán hàng cho đối tác này trong các năm 2011 và 2012. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) của Bộ Tài chính ngày 07 tháng 12 năm 2009 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 10).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Du lịch và xúc tiến đầu tư (i)	40.600.000.000	38.567.900.000
Công Ty CP Đầu Tư & XD Sông Đà (ii)	182.115.284.269	182.115.284.269
Công ty TNHH cơ điện - Điện tử và thương mại Quốc tế	13.000.000.000	-
Các đối tượng khác	39.636.923.244	12.075.655.380
	<u>275.352.207.513</u>	<u>232.758.839.649</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (i) Bao gồm khoản trả trước cho Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour với số tiền 38.567.900.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản đặt cọc theo Hợp đồng số 05/HĐCN/OCH-VIPTOUR ngày 16 tháng 5 năm 2012 về việc chuyển nhượng 4.055.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour-Togi, công ty con của Công ty, trong đó bao gồm số tiền 18.714.461.700 VND trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Viptour mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương (OceanBank). Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Viptour-Togi đang làm việc với Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour về việc thu hồi khoản ứng trước đã quá hạn với số tiền là 19.853.438.300 đồng.
- (ii) Bao gồm khoản Công ty Cổ phần Viptour-Togi và Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (hai Công ty con của Công ty) ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà theo hợp đồng nguyên tắc ngày 22 tháng 12 năm 2010 về việc thi công dự án StarCity Westlake Hà Nội và hợp đồng nguyên tắc năm 2012 về việc thi công dự án Khách sạn Sao Hôm tại Nha Trang.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (i)	37.875.000.000	83.200.000.000
Công ty TNHH VNT (ii)	29.600.000.000	29.600.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang (iii)	162.200.000.000	162.200.000.000
Cho vay ngắn hạn khác	8.460.000.000	36.390.000.000
	<u>238.135.000.000</u>	<u>311.390.000.000</u>
b. Phải thu cho vay các bên liên quan (xem Thuyết minh số 36)	<u>67.475.000.000</u>	<u>112.800.000.000</u>

- (i) Phản ánh khoản tiền Công ty Cổ phần Viptour-Togi (Công ty con của Công ty) cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (Công ty mẹ của Công ty) vay ngắn hạn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản này đã bị quá hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Viptour-Togi đang làm việc với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương để gia hạn đối với các khoản trên.
- (ii) Phản ánh khoản tiền Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (Công ty con của Công ty) cho Công ty TNHH VNT vay vốn ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 0109/2013 ngày 28 tháng 9 năm 2013. Thời hạn vay 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng vay và có lãi suất cố định là 11%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này đã bị quá hạn. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập một phần dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư 228 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 10). Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần dịch vụ hỗ trợ và phát triển đầu tư đang làm việc với Công ty TNHH VNT để thu hồi đối với khoản cho vay nêu trên.
- (iii) Phản ánh khoản tiền Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (Công ty con của Công ty) chuyển cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang vay theo Hợp đồng vay ngày 13 tháng 01 năm 2014. Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang đang làm việc với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang về kế hoạch thu hồi đối với khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ông Hà Trọng Nam (i)	128.161.447.928	128.161.447.928
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (ii)	56.794.444.446	15.679.166.668
Công ty TNHH VNT (iii)	423.562.780.580	219.562.780.580
Công Ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang (iv)	35.752.260.551	17.296.827.777
Ứng tiền mua chứng khoán (v)	46.240.000.000	46.240.000.000
Đối tượng khác	170.125.957.025	141.904.568.358
	<u>860.636.890.530</u>	<u>568.844.791.311</u>
b. Dài hạn		
Ông Hà Trọng Nam (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Đặt cọc dài hạn	2.206.279.171	2.855.378.157
Các đối tượng khác	6.292.414.841	6.518.988.776
	<u>508.498.694.012</u>	<u>509.374.366.933</u>
c. Phải thu khác các bên liên quan (xem Thuyết minh số 36)	<u>1.058.007.061.842</u>	<u>855.007.061.842</u>

- (i) Khoản ứng trước của Công ty mẹ cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) và lãi phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền từ một nhóm cổ đông. Tại ngày 05 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng số 05 với ông Hà Trọng Nam, theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết Phụ lục. Khoản phải thu dài hạn này đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển của Công ty mẹ cho Bà Hứa Thị Bích Hạnh và lãi phát sinh đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 3 năm 2012. Hợp đồng này đã quá hạn từ tháng 3 năm 2015. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đang làm việc để thu hồi khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.
- (iii) Số dư phải thu khác Công ty TNHH VNT (“VNT”) bao gồm:
- Khoản tiền 210 tỷ đồng Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (“IOC”), công ty con của Công ty, trả trước cho VNT theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2011/HĐ-CNCP ngày 06 tháng 9 năm 2011 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 21.000.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương từ VNT. Theo điều khoản của Hợp đồng, Công ty có quyền hưởng cổ tức phát sinh từ số cổ phần trên cho đến hết ngày hoàn thiện thủ tục sang tên cổ phần. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư 228 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- Khoản IOC phải thu Công ty TNHH VNT với số tiền 6.300.000.000 đồng liên quan tới Cổ tức năm 2013 được chia của Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014 mà Công ty được hưởng theo quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 09/2011/HĐ-CNCP ngày 06 tháng 9 năm 2011 nêu trên. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư 228 (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 10).
- Khoản tiền lãi 3.534.113.913 đồng của khoản tiền IOC cho VNT vay vốn ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 8 (iii).
- Khoản Công ty mẹ phải thu của Công ty TNHH VNT với giá trị 204.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, đây là khoản hợp tác đầu tư để thực hiện Dự án Khu số 1 thuộc khu đô thị mới phía Nam thành phố Bắc Giang. Ngày 19 tháng 10 năm 2015, Công ty và VNT đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang làm việc với VNT về việc thu hồi khoản phải thu nêu trên.
- (iv) Phản ánh lãi phải thu tương ứng khoản tiền Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (Công ty con của Công ty) chuyển cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang vay theo Hợp đồng vay ngày 13 tháng 01 năm 2014. Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang đang làm việc với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang về kế hoạch thu hồi đối với khoản này.
- (v) Phản ánh khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Viptour – Togi (Công ty con của Công ty) các cá nhân để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương theo hợp đồng đặt mua chứng khoán chưa niêm yết ngày 20 tháng 5 năm 2012. Theo điều khoản hợp đồng, thời hạn sang tên chuyển nhượng cổ phiếu là trong vòng 10 ngày kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2014. Trong trường hợp không sang tên được cổ phiếu, các cá nhân này sẽ phải hoàn trả cho Công ty số tiền đặt trước cộng tiền lãi sử dụng khoản đặt trước tính từ ngày Công ty chuyển tiền cho các cá nhân đến ngày trả lại tiền. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, khoản phải thu này đang được trích lập dự phòng giảm giá với tỷ lệ 50%. Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty đang làm việc với các cá nhân trên về việc thu hồi khoản phải thu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thương mại MIKA	6.647.496.885	-	6.647.496.885	6.652.868.609
Phải thu từ cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH VNT	29.600.000.000	22.578.419.921	7.021.580.079	29.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Hà Trọng Nam	128.161.447.928	-	128.161.447.928	128.161.447.928
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	-	56.794.444.446	15.679.166.668
Công ty TNHH VNT	423.562.780.580	207.262.780.580	216.300.000.000	219.562.780.580
Ứng tiền cho cá nhân mua chứng khoán	46.240.000.000	23.120.000.000	23.120.000.000	46.240.000.000
Công ty cổ phần Phát triển TM Dịch Vụ Hà Thành	9.300.000.000	6.292.550.000	3.007.450.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại MIKA	4.142.187.408	-	4.142.187.408	4.189.449.360
Đối tượng khác	170.125.957.025	167.382.168.571	2.743.788.454	141.904.568.358
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	874.574.314.272	426.635.919.072	447.938.395.200	591.990.281.503
Phải thu dài hạn khác				
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	-	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng	500.000.000.000	-	500.000.000.000	500.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.145.100.922	-	11.649.501.542	-
Công cụ, dụng cụ	1.928.267.688	-	3.093.378.291	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	217.442.052.580	-	217.482.477.580	-
Thành phẩm	1.384.173.699	-	1.108.715.873	-
Hàng hoá bất động sản	5.807.273	-	50.567.513.993	-
Hàng hóa khác	731.737.782	-	-	-
Cộng	234.637.139.944	-	283.901.587.279	-

- (*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án Saigon Airport Plaza theo hợp đồng chuyển nhượng với Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia với tổng số tiền là 217.442.052.580 đồng. Hiện tại, quyền sử dụng đất của dự án đang được thế chấp để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và dịch vụ Đại Dương Xanh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2015 thống nhất: Dừng thi công Dự án Khách sạn Saigo Airport Plaza và thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Phát Hà Nội trước thời hạn và thanh toán cho nhà thầu theo hồ sơ quyết toán. Giao cho Tổng Giám đốc thương thảo với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long việc chia phí thanh toán cho nhà thầu theo tỷ lệ góp vốn đã đầu tư vào dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TẶNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	747.874.965.406	195.032.630.672	16.999.096.581	3.834.093.807	6.091.550.756	969.832.337.222
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.346.367.197	-	-	-	-	12.346.367.197
Mua sắm mới	662.191.000	4.333.289.138	2.640.581.818	145.727.273	549.443.500	8.331.232.729
Tặng khác	1.285.299.481	1.783.463.970	-	-	62.550.000	3.131.313.451
Thanh lý, nhượng bán	(6.518.144.748)	(9.718.742.594)	(454.949.780)	(631.039.350)	-	(17.322.876.472)
Giảm khác	(80.842.000)	-	(715.481.389)	-	-	(796.323.389)
Tại ngày 31/12/2015	755.569.836.336	191.430.641.186	18.469.247.230	3.348.781.730	6.703.544.256	975.522.050.738
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	119.093.384.673	92.100.794.728	9.788.482.374	1.740.879.593	3.562.899.742	226.286.441.110
Trích khấu hao trong năm	36.740.407.123	19.819.964.803	2.409.840.722	166.523.945	1.037.366.852	60.174.103.445
Tặng khác	-	837.417.606	-	-	-	837.417.606
Thanh lý, nhượng bán	(2.257.077.572)	(8.179.749.997)	(413.531.999)	(136.881.401)	-	(10.987.240.969)
Giảm khác	(349.862.018)	(38.133.828)	-	-	-	(387.995.846)
Tại ngày 31/12/2015	153.226.852.206	104.540.293.312	11.784.791.097	1.770.522.137	4.600.266.594	275.922.725.346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	602.342.984.130	86.890.347.874	6.684.456.133	1.578.259.593	2.103.277.662	699.599.325.392
Tại ngày 31/12/2014	628.781.580.733	102.931.835.944	7.210.614.207	2.093.214.214	2.528.651.014	743.545.896.112

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã sử dụng tài sản để thế chấp cho các khoản vay như sau:

Tài sản cố định gắn liền với đất của dự án Hội An Sunrise Resort tại đường Âu Cơ, phường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam; và toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị nội thất, thiết bị văn phòng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương) theo phụ lục Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0060/2007/HĐTD-OJBDN ngày 20 tháng 11 năm 2007 với tổng giá trị dự toán là 467.646.000.000 đồng (giá trị tại thời điểm định giá để ký kết hợp đồng tín dụng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thuê đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	72.220.284.239	2.869.156.794	75.089.441.033
Tăng trong năm	-	137.192.365	137.192.365
Thanh lý, nhượng bán	-	(247.116.250)	(247.116.250)
Tại ngày 31/12/2015	72.220.284.239	2.759.232.909	74.979.517.148
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	418.799.809	1.372.238.858	1.791.038.667
Trích khấu hao trong năm	112.151.086	438.460.817	550.611.903
Thanh lý, nhượng bán	-	(247.116.250)	(247.116.250)
Tại ngày 31/12/2015	530.950.895	1.563.583.425	2.094.534.320
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	71.689.333.344	1.195.649.484	72.884.982.828
Tại ngày 31/12/2014	71.801.484.430	1.496.917.936	73.298.402.366

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản		
<i>Dự án khách sạn Sao Hôm Nha Trang (i)</i>	245.241.998.798	182.139.680.184
<i>Dự án StarCity Westlake Hà Nội (ii)</i>	171.184.160.168	171.133.866.913
<i>Các công trình khác</i>	2.043.877.119	5.456.487.709
	418.470.036.085	358.730.034.806

- (i) Dự án khách sạn Sao Hôm Nha Trang được thực hiện bởi Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (Công ty con của Công ty). Dự án đã được hoàn thành và khai trương đưa vào sử dụng từ tháng 1 năm 2016. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, giá trị công trình vẫn chưa được tập hợp đủ, giá trị tăng thêm so với đầu kỳ chủ yếu là chi phí lãi vay phát sinh trong năm được vốn hóa vào giá trị công trình.
- (ii) Dự án Star City Westlake Hà Nội được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Viptour - Togi (Công ty con của Công ty). Dự án đã được khởi công từ năm 2013, số dư tập hợp trong giá trị công trình đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu là tiền thuê đất phải nộp cho Cục thuế Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	392.671.985.149	794.537.428	695.078.791.319	70.083.328.940
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	-	-	67.471.212.946	67.471.212.946
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	-	-	67.471.212.946	67.471.212.946
- Đầu tư vào đơn vị khác	392.671.985.149	794.537.428	627.607.578.373	2.612.115.994
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam (i)	3.000.050.000	543.403.999	3.000.050.000	1.268.448.144
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec) (ii)	8.995.100.000	-	8.995.100.000	-
Công ty Cổ phần Fafilm Việt Nam	18.563.678.800	-	18.563.678.800	-
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (ii)	11.430.000.000	-	11.430.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại Dương Thăng Long	74.241.000.000	-	116.000.000.000	1.092.534.422
Công ty Cổ phần Đầu tư PT và KD Công trình Công nghiệp Việt Sing	52.278.381.352	-	53.684.974.576	-
Công ty TNHH VNT	-	-	204.000.000.000	-
Novotel Imperial Hội An Resort	189.383.774.997	-	189.383.774.997	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Hà Nội (ii)	22.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Đầu tư vào Công ty cổ phần truyền thông TVShopping (ii)	11.250.000.000	-	11.250.000.000	-
Khác	1.530.000.000	251.133.429	1.300.000.000	251.133.428

(i) Khoản đầu tư vào THT Việt Nam đã được chuyển nhượng thành công cho bên thứ 3 với giá trị 7.050.423.000 VND trong tháng 01 năm 2016.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác với giá gốc khoản đầu tư là 53.675.100.000 đồng chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Vật liệu xây dựng và Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	11.507.849.896	6.002.454.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.507.849.896	6.002.454.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	11.702.897.233	11.565.510.332
Các đối tượng khác	42.125.900.842	52.186.031.852
	<u>53.828.798.075</u>	<u>63.751.542.184</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trả trước tiền mua căn hộ Star City Nha Trang	54.399.923.471	-
Các đối tượng khác	15.337.248.437	67.092.878.644
	<u>69.737.171.908</u>	<u>67.092.878.644</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp/ phải thu	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.789.273.805	25.119.495.384	24.779.858.059	11.128.911.130
- Thuế GTGT đầu ra	10.789.273.805	25.119.495.384	24.779.858.059	11.128.911.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.734.628.587	4.462.466.501	-	9.272.162.086
Các loại thuế khác	3.777.274	3.777.274	29.370.061	29.370.061
Các khoản phải nộp khác	-	8.546.148	-	8.546.148
Cộng	<u>24.527.679.666</u>	<u>29.594.285.307</u>	<u>24.809.228.120</u>	<u>20.438.989.425</u>
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	10.984.871.112	49.186.217.155	49.854.271.256	10.316.817.011
- Thuế GTGT đầu ra	10.984.871.112	49.186.217.155	49.854.271.256	10.316.817.011
Thuế tiêu thụ đặc biệt	123.856.367	1.227.882.282	1.251.914.050	99.824.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.001.807.672	28.178.599.357	26.693.667.279	4.486.739.750
Tiền thuê đất	103.053.529.080	19.944.741.514	940.929.570	122.057.341.024
Các loại thuế khác	1.012.173.594	7.634.798.519	6.884.596.136	1.762.375.977
Cộng	<u>118.176.237.825</u>	<u>106.172.238.827</u>	<u>85.625.378.291</u>	<u>138.723.098.361</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	162.715.829.417	136.643.987.550
Các khoản khác	12.548.174.514	13.232.455.204
	<u>175.264.003.931</u>	<u>149.876.442.754</u>

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh (i)	116.042.770.800	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (ii)	107.714.598.277	50.229.893.167
Phải trả cổ tức và thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát (iii)	139.896.319.999	140.340.320.027
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (i)	-	116.042.770.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	-	180.449.650.000
Các đối tượng khác	9.356.943.873	63.433.604.832
	<u>373.010.632.949</u>	<u>550.496.238.826</u>

- (i) Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh về giá trị phần vốn góp liên quan đến Dự án SaiGon Airport Plaza. Năm 2014, đây là khoản góp vốn của bà Hứa Thị Bích Hạnh nhưng sau đó đã được chuyển sang cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Đại Dương Xanh.
- (ii) Khoản phải trả lãi vay cho Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương của Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang - Công ty con của Công ty liên quan đến hợp đồng vay dài hạn chưa thanh toán.
- (iii) Khoản phải trả cổ tức, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2014.

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	547.633.601.196	547.633.601.196	31.682.398.804	37.633.601.196	541.682.398.804	541.682.398.804
Cộng	<u>547.633.601.196</u>	<u>547.633.601.196</u>	<u>31.682.398.804</u>	<u>37.633.601.196</u>	<u>541.682.398.804</u>	<u>541.682.398.804</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết khoản vay theo từng ngân hàng như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	541.682.398.804	547.633.601.196
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	41.682.398.804	47.633.601.196
	<u>541.682.398.804</u>	<u>547.633.601.196</u>

- (i) Phản ánh giá trị trái phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (công ty con của Công ty) phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 07/HĐTP/MSB ngày 01 tháng 9 năm 2011. Số lượng trái phiếu phát hành là 500, mệnh giá phát hành là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 05 năm, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 15%/năm, với các năm tiếp theo là lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau trung bình của 04 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam).

Mục đích phát hành là để đầu tư vào Dự án Sunrise Hội An Resort và bổ sung vốn lưu động. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam cam kết sẽ không bán lại, chuyển nhượng hoặc chuyển giao trái phiếu cho bất cứ người nào mà: (i) giao dịch đó khác mệnh giá của trái phiếu và bội số của mệnh giá trái phiếu, hoặc (ii) theo cách thức mà việc nhà đầu tư bán lại hoặc chuyển giao trái phiếu đó tạo thành một đợt chào bán ra công chúng ở một quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Ngày 25 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam đã có Công văn số 2512/2014/CV-MSB yêu cầu Công ty mua lại hoặc nhờ người mua lại số trái phiếu này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư vẫn đang làm việc với Maritime Bank về vấn đề nêu trên.

- (ii) Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	566.051.447.809	566.051.447.809	-	37.557.743.542	528.493.704.267	528.493.704.267
Cộng	<u>566.051.447.809</u>	<u>566.051.447.809</u>	<u>-</u>	<u>37.557.743.542</u>	<u>528.493.704.267</u>	<u>528.493.704.267</u>
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	47.229.866.210				41.682.398.804	
Số phải trả sau 12 tháng	518.821.581.599				486.811.305.463	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết khoản vay theo từng ngân hàng như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	486.811.305.463	518.821.581.599
	<u>486.811.305.463</u>	<u>518.821.581.599</u>

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương bao gồm các khoản vay như sau:

- a) Tại ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư (công ty con của Công ty) ký Hợp đồng tín dụng dài hạn số 7/2007/HĐTD-OJBHN với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với hạn mức vay là 196 tỷ đồng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình Khu du lịch Sunrise Hội An Resort. Hạn mức tín dụng sau đó thay đổi thành 326 tỷ đồng theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 0060.7/2007/PLHĐTD-OJBHN ngày 09 tháng 6 năm 2011. Khoản vay có thời hạn vay là 138 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn gốc và lãi vay là 42 tháng. Gốc vay được trả hàng quý, chậm nhất vào ngày 10 quý sau; kỳ trả nợ đầu tiên là quý III năm 2011. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần vào ngày đầu tiên của quý, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương cộng biên độ 0,5%/tháng. Lãi vay trả hàng quý cùng kỳ hạn với trả nợ gốc. Công ty sử dụng tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay, máy móc và thiết bị nội thất văn phòng với giá trị tài sản đảm bảo hình thành trong tương lai tạm tính theo giá trị dự toán là 467.646.000.000 đồng.
- b) Công ty Cổ phần Bán Givral (công ty con của Công ty) cùng với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đã tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0118/2011/HĐTD-OCEANBANK03 ngày 31 tháng 12 năm 2011 với mục đích vay là để mua mới và cải tạo nhà xưởng, số tiền vay là 88 tỷ đồng trong thời hạn 120 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay áp dụng cho kỳ cho vay đầu tiên là 21%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 7%/năm.
- c) Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ (công ty con của Công ty) ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0010/2012/HĐTD1-OCEANBANK05 ngày 23 tháng 3 năm 2012 với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với mục đích vay để bổ sung vốn cải tạo và nâng cấp khách sạn Suối Mơ. Số tiền vay là 6,9 tỷ đồng trong thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho kỳ cho vay đầu tiên là 20%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 7%/năm.
- d) Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang (công ty con của Công ty) ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 0047/2011/HĐTD1-OCEANBANK01 ngày 09 tháng 6 năm 2011 với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với mục đích vay để Bổ sung vốn đầu tư dự án khách sạn Sao Hôm tại địa chỉ 72-74 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số tiền vay là 288,4 tỷ đồng trong thời hạn 90 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho kỳ cho vay đầu tiên là 20%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh sẽ bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	41.682.398.804	47.229.866.210
Trong năm thứ hai	69.592.000.000	49.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	117.635.465.527	159.909.864.331
Sau năm năm	299.583.839.936	309.911.717.268
	<u>528.493.704.267</u>	<u>566.051.447.809</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	41.682.398.804	47.229.866.210
Số phải trả sau 12 tháng	<u>486.811.305.463</u>	<u>518.821.581.599</u>

24. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	73.433.394.738	68.100.836.993
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>73.433.394.738</u>	<u>68.100.836.993</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 (trình bày lại)	2.000.000.000.000	6.438.580.785	6.329.814.592	123.878.901.693	128.265.812.646	2.264.913.109.716
Lỗi trong năm	-	-	-	(881.358.933.895)	7.175.689.679	(874.183.244.216)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(140.000.000.000)	(2.914.656.000)	(142.914.656.000)
Phân phối các quỹ tại công ty mẹ	-	1.882.528.805	-	(3.200.298.969)	-	(1.317.770.164)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(120.000.000)	-	(120.000.000)
Phân phối các quỹ tại công ty con	-	3.163.775.821	-	(5.443.997.917)	(1.501.458.227)	(3.781.680.323)
Tặng/(Giảm) khác	-	(456.605.315)	-	5.741.316.427	3.428.995.350	8.713.706.462
Số dư tại ngày 01/01/2015	2.000.000.000.000	11.028.280.096	6.329.814.592	(900.503.012.661)	134.454.383.448	1.251.309.465.475
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.020.715.434	(5.756.834.847)	20.263.880.587
Phân phối các quỹ tại công ty con	-	4.305.852.547	-	(7.529.832.688)	266.015.395	(2.957.964.746)
Giảm do truy thu thuế và phạt do chậm nộp thuế năm 2013, 2014	-	-	-	(3.308.450.143)	(67.519.391)	(3.375.969.534)
Điều chỉnh theo quy định của TT202	-	-	-	14.394.836.970	(14.394.836.970)	-
Khác	-	-	-	(8.771.950.590)	886.429.050	(7.885.521.540)
Số dư tại ngày 31/12/2015	2.000.000.000.000	15.334.132.643	6.329.814.592	(879.697.693.678)	115.387.636.685	1.257.353.890.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh bất động sản và đầu tư, bộ phận kinh doanh khách sạn và bộ phận kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo theo năm bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh bất động sản và đầu tư: kinh doanh bất động sản, đầu tư góp vốn, mua bán cổ phần, cổ phiếu...
- Bộ phận kinh doanh khách sạn: kinh doanh cho thuê khách sạn, các dịch vụ khác liên quan đến du lịch...
- Bộ phận kinh doanh khác: các hoạt động kinh doanh khác của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Đầu tư, kinh doanh bất động sản		Kinh doanh Khách sạn		Hoạt động khác		Bù trừ hợp nhất		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015									
Tổng tài sản	1.933.005.810.264	2.213.550.250.593			577.642.284.229	(1.420.519.458.825)			3.303.678.886.261
Tổng nợ phải trả	550.667.591.657	1.866.209.439.424			106.744.229.939	(477.296.265.001)			2.046.324.996.019
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015									
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	15.810.308.258	283.921.518.859			438.274.304.853	(9.138.295.083)			728.867.836.887
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(15.685.402.992)	(170.435.496.447)			(223.380.696.464)	3.766.722.774			(405.734.873.129)
Lợi nhuận gộp	124.905.266	113.486.022.412			214.893.608.389	(5.371.572.309)			323.132.963.758
Chi phí bán hàng	-	(16.963.506.768)			(96.044.990.243)	-			(113.008.497.011)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(64.059.087.349)	(76.410.379.717)			(39.191.432.375)	356.660.657			(179.304.238.784)
Kết quả kinh doanh bộ phận	(63.934.182.083)	20.112.135.927			79.657.185.771	(5.014.911.652)			30.820.227.963
Doanh thu hoạt động tài chính	203.994.949.761	21.702.083.918			19.715.592.027	(66.219.621.065)			179.193.004.641
Chi phí tài chính	(84.043.831.331)	(98.827.510.783)			(7.827.926.304)	90.800.434.897			(99.898.833.521)
Chi phí không phân bổ									(35.306.086.264)
Lợi nhuận trong công ty liên kết									184.738.563
Lợi nhuận khác									(24.875.799.301)
Lợi nhuận trước thuế									50.117.252.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									30.026.209.571 (172.838.077)
Lợi nhuận sau thuế									20.263.880.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khách sạn	267.554.970.811	223.385.599.847
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.423.728.393	158.403.618.351
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	-	205.886.993
- Doanh thu kinh doanh bánh kẹo và đồ uống	414.529.060.438	394.066.841.138
- Doanh thu khác	14.063.688.567	-
	729.571.448.209	776.061.946.329
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	402.670.996	-
b. Giảm giá hàng bán	200.870.553	-
c. Hàng bán bị trả lại	100.069.773	2.689.230.532
	703.611.322	2.689.230.532
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (xem Thuyết minh số 36)	3.827.149.623	12.585.879.135

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn khách sạn	163.369.967.397	132.887.922.898
Giá vốn cung cấp dịch vụ	32.444.641.857	133.145.108.878
Giá vốn kinh doanh bánh kẹo, đồ uống và khác	209.920.263.875	212.857.280.744
	405.734.873.129	478.890.312.520

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.993.924.573	224.249.606.361
Chi phí nhân công	172.086.184.030	170.140.773.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.724.715.348	58.842.205.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.096.198.913	120.815.741.704
Chi phí khác	189.255.152.002	945.167.876.706
	701.156.174.866	1.519.216.203.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.029.266.945	26.848.890.660
Lãi từ hoạt động đầu tư (*)	154.164.000.000	601.524.000
Cổ tức, lợi nhuận nhận được	-	9.782.269.775
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.192.981.853	355.895.734
Doanh thu hoạt động tài chính khác	806.755.843	75.865.088.541
	179.193.004.641	113.453.668.710

(*) Lãi từ hoạt động đầu tư năm 2015 phản ánh lãi từ nghiệp vụ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Ngôi sao xanh được tách từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long.

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	83.868.179.403	112.135.514.788
Lỗ từ hoạt động đầu tư	17.598.286.229	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.817.578.567)	7.021.580.079
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	169.848.091	89.412.278
Chi phí tài chính khác	80.098.365	166.198
	99.898.833.521	119.246.673.343

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	5.310.932.212	648.639.313
Chi phí nhân viên quản lý	41.362.168.099	40.154.343.135
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.335.495.626	5.608.320.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.469.906.829	18.930.714.369
Chi phí bằng tiền khác	20.479.666.032	23.423.808.871
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	100.386.201.896	844.461.447.928
Phân bổ lợi thế thương mại	36.265.954.354	32.558.791.082
	214.610.325.048	965.786.065.294
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên vật liệu	30.403.528.104	21.711.907.661
Chi phí nhân viên quản lý	23.601.111.545	27.356.518.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	632.760.248	632.760.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.933.607.302	33.131.667.976
Chi phí bằng tiền khác	36.437.489.812	33.687.694.798
	113.008.497.011	116.520.549.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.335.635.503	-
Phạt do chậm nộp tiền thuê đất	18.833.031.944	-
Các khoản khác	3.446.945.418	15.462.499.062
	28.615.612.865	15.462.499.062

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	30.026.209.571	19.449.346.362
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.026.209.571	19.449.346.362

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50.117.252.081	(804.135.784.454)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ:</i>		
Các khoản không chịu thuế năm nay	(7.199.136.000)	(23.983.515.871)
<i>Cộng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.342.530.044	4.168.938.428
Thu nhập lãi phát sinh chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu kế toán	50.000.000.000	-
Bút toán điều chỉnh do hợp nhất	29.476.563.661	901.769.112.160
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	136.737.209.786	77.818.750.264
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế suất thông thường	136.737.209.786	77.715.827.551
- Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi	-	5.222.796.663
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế suất ưu đãi	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	30.082.186.153	18.142.041.394
Thuế TNDN 1% theo thu tiền theo tiến độ công trình	(55.976.582)	1.072.705.073
Điều chỉnh thuế TNDN do quyết toán thuế năm trước	-	234.599.895
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.026.209.571	19.449.346.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(172.838.077)	48.324.877.172
Tổng thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>(172.838.077)</u>	<u>48.324.877.172</u>

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.028.493.704.267	1.066.455.182.795
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	142.508.091.961	88.160.116.601
Nợ thuần	885.985.612.306	978.295.066.194
Vốn chủ sở hữu	<u>1.257.353.890.242</u>	<u>1.251.309.465.475</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,70</u>	<u>0,78</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.508.091.961	88.160.116.601
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.062.448.756	93.062.448.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	721.794.351.153	583.278.858.199
Đầu tư dài hạn khác	391.877.447.721	692.466.675.325
Tổng cộng	1.309.242.339.591	1.456.968.098.881
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.028.493.704.267	1.066.455.182.795
Phải trả người bán và phải trả khác	426.839.431.024	627.151.401.256
Chi phí phải trả	175.264.003.931	149.876.442.754
Tổng cộng	1.630.597.139.222	1.843.483.026.805

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	120.834.000	-	4.941.727.626	1.710.131.598
Yên Nhật (JPY)	-	-	1.810.000	-
Australian Dollar (AUD)	-	-	3.232.600	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	241.044.681	85.506.580
Yên Nhật (JPY)	90.500	-
Australian Dollar (AUD)	161.630	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.508.091.961	-	-	142.508.091.961
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.062.448.756	-	-	53.062.448.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	713.295.657.141	8.498.694.012	-	721.794.351.153
Đầu tư dài hạn khác	-	391.877.447.721	-	391.877.447.721
Tổng cộng	908.866.197.858	400.376.141.733	-	1.309.242.339.591

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	541.682.398.804	187.227.465.527	299.583.839.936	1.028.493.704.267
Phải trả người bán và phải trả khác	426.839.431.024	-	-	426.839.431.024
Chi phí phải trả	175.264.003.931	-	-	175.264.003.931
Tổng cộng	1.143.785.833.759	187.227.465.527	299.583.839.936	1.630.597.139.222

Chênh lệch thanh khoản thuần	(234.919.635.901)	213.148.676.206	(299.583.839.936)	(321.354.799.631)
-------------------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	88.160.116.601	-	-	88.160.116.601
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.062.448.756	-	-	93.062.448.756
Phải thu khách hàng và phải thu khác	573.904.491.266	9.374.366.933	-	583.278.858.199
Đầu tư dài hạn khác	-	692.466.675.325	-	692.466.675.325
Tổng cộng	755.127.056.623	701.841.042.258	-	1.456.968.098.881

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	547.633.601.196	208.909.864.331	309.911.717.268	1.066.455.182.795
Phải trả người bán và phải trả khác	614.247.781.010	12.903.620.246	-	627.151.401.256
Chi phí phải trả	149.876.442.754	-	-	149.876.442.754
Tổng cộng	1.311.757.824.960	221.813.484.577	309.911.717.268	1.843.483.026.805

Chênh lệch thanh khoản thuần	(556.630.768.337)	480.027.557.681	(309.911.717.268)	(386.514.927.924)
-------------------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------	--------------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH VNT	Tổng Giám đốc của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH VNT
Ông Hà Trọng Nam	Cá nhân liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	3.827.149.623	12.585.879.135
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	33.044.532	3.238.188.106
Công ty TNHH Phát Triển Giảng Võ	687.272.728	687.272.728
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	2.825.721.818	8.660.418.301
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	281.110.545	
Mua hàng hóa, dịch vụ	263.603.056	24.920.667.224
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	188.795.715	24.486.077.022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	64.461.300	111.153.250
Công ty TNHH Phát triển Giảng Võ	10.346.041	323.436.952
Lãi vay thu từ giá trị tiền ứng trước	-	59.201.388.887
Ông Hà Trọng Nam	-	59.201.388.887
Lãi thu được từ cho vay	1.139.896	3.838.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	3.808.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	1.139.896	30.000.000
Thu cho vay	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	-	207.340.804.900
Chuyển nhượng cổ phần	41.759.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	41.759.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	31.925.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	31.925.000	-
Hoàn trả/Bù trừ tiền ký quỹ, ký cược	698.182.344	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	51.750.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	495.790.218	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	150.642.126	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	3.251.144.389	4.078.598.678
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	3.251.144.389	3.767.116.114
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	311.482.564
Phải thu khác	429.845.613.914	226.845.613.914
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	6.282.833.334	7.282.833.334
Công ty TNHH VNT	423.562.780.580	219.562.780.580
Phải thu dài hạn khác	628.161.447.928	628.161.447.928
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	500.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam (lãi vay)	128.161.447.928	128.161.447.928
Phải trả cho nhà cung cấp	11.702.897.233	11.568.580.882
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	11.702.897.233	11.565.510.332
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	3.070.550
Đầu tư dài hạn	77.241.050.000	323.000.050.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	74.241.000.000	116.000.000.000
Công ty Cổ phần THT Việt Nam	3.000.050.000	3.000.050.000
Công ty TNHH VNT	-	204.000.000.000
Chi phí phải trả	2.427.128.538	1.980.109.854
Công ty TNHH VNT	1.568.231.648	1.568.231.648
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	741.068.455	294.049.771
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	117.828.435	117.828.435
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	67.475.000.000	112.800.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương	37.875.000.000	83.200.000.000
Công ty TNHH VNT	29.600.000.000	29.600.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.845.362.377	4.192.416.696
Tổng	1.845.362.377	4.192.416.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 08 tháng 3 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT về việc đóng cửa chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất			
1. Đầu tư ngắn hạn	524.018.896.682	(56.953.858.414)	580.972.755.096
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	404.452.528.115	404.452.528.115	-
3. Chứng khoán kinh doanh	(7.021.659.438)	(7.021.659.438)	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(52.621.972.559)	52.621.972.559
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	79.359	(79.359)
6. Phải thu ngắn hạn khác	-	(40.440.555.556)	40.440.555.556
7. Phải thu về cho vay ngắn hạn	470.366.440.796	(98.478.350.515)	568.844.791.311
8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(311.390.000.000)	311.390.000.000
9. Hàng tồn kho	(356.197.005.183)	7.021.580.079	(363.218.585.262)
10. Tài sản ngắn hạn khác	255.424.658.072	(28.476.929.207)	283.901.587.279
11. Phải thu dài hạn khác	98.478.350.515	98.478.350.515	-
12. Tài sản dài hạn khác	506.255.083.564	(3.119.283.369)	509.374.366.933
13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.119.283.369	3.119.283.369	-
14. Quỹ đầu tư phát triển	13.918.888.518	(53.173.990.126)	67.092.878.644
15. Quỹ dự phòng tài chính	3.661.717.403	(7.366.562.693)	11.028.280.096
16. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.366.562.693	7.366.562.693	-
	(875.805.951.742)	24.697.060.919	(900.503.012.661)
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	788.045.288.980	11.983.342.651	776.061.946.329
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	485.753.781.220	6.863.468.700	478.890.312.520

Nguyễn Trung Thành
Người lập biểu

Phạm Lương Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016